

B NG ã I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 Nñ h c : 2013-2014 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131014200401 - C L t N n - M¹ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010481	36C1	ñ Th@h An	27/02/1994	6.0	7.0	9.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
2	3641010098	36C1	Nguy n Ho@ng n	21/09/1993	9.0	7.0	7.0								7.7	3.9	4.0	2.0	5.8	
3	3641010072	36C1	H©VÑñ B o	02/03/1993	7.0	8.0	7.0								7.3	3.7	4.0	2.0	5.7	
4	3641010482	36C1	Võ Xuân Biên	02/02/1994	6.0	8.0	8.0								7.3	3.7	4.0	2.0	5.7	
5	3641010023	36C1	Tr n Nh Bình	07/03/1990	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	4.0	2.0	5.8	
6	3641010121	36C1	ñ @n Công	28/03/1994	8.0	7.0	7.0								7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
7	3641010026	36C1	Tr n Minh D ng	27/08/1993	7.0	4.0	7.0								6.0	3.0	8.0	4.0	7.0	
8	3641010141	36C1	H S ã ang	09/09/1994	5.0	7.0	7.0								6.3	3.2	2.0	1.0	4.2	
9	3641010135	36C1	Nguy n Th@h ã t	20/07/1994	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	0.0	0.0	3.8	
10	3641010128	36C1	Ph m Tì n ã t	30/07/1994	7.0	7.0	6.0								6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
11	3641010049	36C1	Lê Hoàng ã i p	21/07/1993	7.0	5.0	8.0								6.7	3.4	1.0	0.5	3.8	
12	3641010148	36C1	Bç i VÑñ ã o@	12/01/1993	8.0	8.0	9.0								8.3	4.2	2.0	1.0	5.2	
13	3641010101	36C1	Võ Phúc H u	18/06/1994	8.0	8.0	8.0								8.0	4.0	4.0	2.0	6.0	
14	3641010081	36C1	T C»ng Kha	21/02/1993	8.0	7.0	8.0								7.7	3.9	7.0	3.5	7.3	
15	3641010070	36C1	Nguy n Duy Khang	08/09/1994	6.0	7.0	9.0								7.3	3.7	8.0	4.0	7.7	
16	3641010032	36C1	Mai Tùng Lâm	11/05/1994	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	0.0	0.0	3.3	
17	3641010113	36C1	L² D ng Linh	16/11/1993	4.0	7.0	8.0								6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
18	3641010146	36C1	Qu`ch H u Nam	23/08/1993	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	7.0	3.5	6.8	
19	3641010109	36C1	ñ M nh Nguyên	03/10/1993	7.0	8.0	6.0								7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
20	3641010097	36C1	Nguy n Quang Phúc	10/11/1992	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	5.0	2.5	6.3	

Kh¹a h c : **L p h c** : 36C1 **N¹m h c** : 2013-2014 **ñ VHT** : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ñT : **H c ph n** : 131014200401 - C L t N n - M¹ng **H c km** : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THI NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10							
21	3641010082	36C1	H Ng c	Quý	15/01/1994	7.0	8.0	7.0								7.3	3.7	2.0	1.0	4.7	
22	3641010057	36C1	Phan Thanh	S n	01/03/1994	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	7.0	3.5	7.3	
23	3641010053	36C1	Nguy n Nh t	Tân	23/12/1993	7.0	7.0	7.0								7.0	3.5	2.0	1.0	4.5	
24	3641010105	36C1	V½T n	Tây	17/05/1994	8.0	8.0	8.0								8.0	4.0	2.0	1.0	5.0	
25	3641010046	36C1	Nguy n Th@nh	Ti n	10/12/1994	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	4.0	2.0	5.8	
26	3641010354	36C1	Tr n VÑñ	Tĩnh	05/02/1992	8.0	7.0	7.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
27	3641010095	36C1	ñ @n Trung	Tích	06/02/1994	8.0	8.0	8.0								8.0	4.0	0.0	0.0	4.0	
28	3641010092	36C1	H H u	Toàn	20/04/1994	7.0	7.0	8.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
29	3641010090	36C1	L² Ng c	Toàn	13/02/1994	7.0	8.0	7.0								7.3	3.7	6.0	3.0	6.7	
30	3641010124	36C1	Tr n Anh	To i	28/04/1991	6.0	6.0	7.0								6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
31	3641010040	36C1	Phan Thanh	Tu n	19/02/1993	8.0	8.0	7.0								7.7	3.9	2.0	1.0	4.8	
32	3641010011	36C1	Võ Duy	Tu n	16/03/1994	7.0	8.0	7.0								7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
33	3641010083	36C1	Tr ng VÑñ	Tuyên	30/07/1994	8.0	8.0	6.0								7.3	3.7	7.0	3.5	7.2	
34	3641010074	36C1	Tr n VÑñ	Tú	21/06/1994	8.0	7.0	9.0								8.0	4.0	4.0	2.0	6.0	
35	3641010025	36C1	L² T n	Th	24/05/1990	9.0	7.0	8.0								8.0	4.0	2.0	1.0	5.0	
36	3642010143	36C1	Nguy n VÑñ	Th ch	00/00/1991	6.0	8.0	9.0								7.7	3.9	6.0	3.0	6.8	
37	3641010030	36C1	Phan ñ c	Thi	26/06/1993	8.0	8.0	7.0								7.7	3.9	4.0	2.0	5.8	
38	3641010042	36C1	Nguy n Qu c	Th nh	20/08/1994	7.0	7.0	8.0								7.3	3.7	0.0	0.0	3.7	
39	3641010111	36C1	L² Qu c	Tr n	29/01/1994	7.0	7.0	7.0								7.0	3.5	0.0	0.0	3.5	
40	3641010136	36C1	Tr n Minh	Trí	11/12/1993	7.0	8.0	7.0								7.3	3.7	3.0	1.5	5.2	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c :

L p h c : 36C1

Năm h c : 2013-2014

ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấT :

H c ph n : 131014200401 - C L t N n - M¹ ng

H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3601010016	36C1	Ho ấg ấ c Tr n	21/01/1994	9.0	8.0	9.0								8.7	4.4	3.0	1.5	5.8	
42	3641010108	36C1	L ² Qu c V ấ	00/00/1985	9.0	8.0	8.0								8.3	4.2	7.0	3.5	7.7	
43	3641010112	36C1	Nguy n Ch' Viên	27/11/1994	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	3.0	1.5	5.3	

T ng s : 43 h c sinh sinh vĩ n

Tr ng Khoa

Gi" o Vĩ n B M»n

Gi" o V Khoa

Tp.HCM, ngày / /